

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4577/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 11 năm 2013

V/v rà soát danh mục  
nội dung trình HĐND  
tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ  
10 (đầu tháng 12/2013)  
ban hành Nghị quyết  
năm 2014

TRUNG TÂM CÔNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 787A
ĐẾN	Ngày: 08/11/13
	Chuyên: .....



Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư Pháp, Nội vụ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

Trên cơ sở thống nhất giữa UBND tỉnh và Trường trực HĐND tỉnh tại cuộc họp sáng ngày 08/11/2013 về các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 10 (đầu tháng 12/2013) ban hành Nghị quyết chuyên đề 2014, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các sở, ban ngành tỉnh theo chức năng nhiệm vụ có liên quan thực hiện một số nội dung sau đây, khẩn trương xác định và báo cáo UBND tỉnh trước **ngày 12/11/2013**, để tổng hợp và chính thức đề nghị Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất trước ngày 15/11/2013, cụ thể:

1. Đối với các nội dung, danh mục các sở, ngành đã đề nghị, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp kèm theo Phụ lục số 1:

- Rà soát để chuẩn xác tên đề nghị ban hành Nghị quyết, giai đoạn áp dụng, xác định thời gian trình trong năm 2014.

- Giao Sở Xây dựng tổng hợp các đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2014 đạt tiêu chí đô thị các loại (ngoài đô thị Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại 4 đã có trong phụ lục 1 kèm theo), báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp chung.

- Giao Sở Tư pháp rà soát, đối chiếu với quy định của Đảng và Nhà nước để có ý kiến chính thức, đề xuất đối với nội dung 2.18 phụ lục số 1 kèm theo.

2. Đối với nội dung, danh mục của Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết năm 2014 kèm theo Phụ lục số 2:

Các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm nghiên cứu, rà soát, xác định cụ thể về: *Cơ sở pháp lý, sự cần thiết phải trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, cần làm rõ các nội dung: tên Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thời điểm ban hành Nghị quyết, nguồn lực tài chính, nhân lực bảo đảm thực hiện.*

Do tính chất khẩn trương, yêu cầu các sở, ngành nghiêm túc thực hiện nội dung Công văn này, gửi báo cáo đảm bảo có chất lượng, đúng thời gian quy định.

*(Nội dung đề xuất trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết gửi đồng thời file mềm về hộp thư: [lesangvpub09@yahoo.com.vn](mailto:lesangvpub09@yahoo.com.vn) để Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CPVP, các phòng N/cứu; CBTH;
- Lưu: VT, p.KTKT(LeSang299).



**PHỤ LỤC SỐ 1**  
**(Danh mục các nội dung các sở, ngành đề nghị HĐND tỉnh**  
**ban hành Nghị quyết năm 2014)**

1. Một số nội dung đã có danh mục tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND tỉnh nhưng chưa xây dựng và trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết trong năm 2013; tiếp tục đưa vào chương trình ban hành Nghị quyết năm 2014:

1.1 Cơ chế chính sách đầu tư và phát triển khu Đô thị Vạn Tường.

1.2 Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

**2. Những nội dung trình HĐND tỉnh khóa XI, kỳ họp cuối năm 2013 xem xét, ban hành Nghị quyết trong năm 2014:**

2.1 Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh (thay thế NQ số 13/NQ-HĐND ngày 07/9/2004 của HDND tỉnh khoá X về tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh).

2.2 Chính sách hỗ trợ mua bảo hiểm y tế để thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2015.

2.3 Chính sách đãi ngộ và cơ chế quản lý bác sỹ, dược sỹ đại học đang công tác tại các cơ sở y tế trong tỉnh.

2.4 Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2.5 Giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Quảng Ngãi.

2.6 Nội dung chi và mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

2.7 Quy định mức thù lao đối với đội công tác xã hội tình nguyện tại các xã phường, thị trấn.

2.8 Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

2.9 Chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020.

2.10 Chính sách khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020.

2.11 Định mức chi phí đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, bảo vệ rừng phòng hộ giai đoạn 2014-2020./.

2.12 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2014-2015.

2.13 Ban hành quy định mức thu học phí năm học 2014-2015 đối với Trường Đại học Phạm văn Đồng và Trường Cao đẳng y tế Đặng Thùy Trâm.

2.14 Quy định về chính sách tuyển chọn học sinh giỏi ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ học tập ở bậc đại học bằng ngân sách tỉnh.

2.15 Quy định chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.16 Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.17 Quy định chính sách khen thưởng tài năng của tỉnh Quảng Ngãi.

2.18 Đề án thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

2.19 Đề án đặt tên đường ở thành phố Quảng Ngãi và thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn.

2.20 Về đô thị Đức Phổ đạt tiêu chuẩn đô thị loại 4 vào năm 2014.

2.21 Điều chỉnh một phần diện tích và dân số của một số thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn huyện Trà Bồng để thành lập thôn mới./.

## PHỤ LỤC SỐ 2

(Danh mục các nội dung các Ban HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành  
Nghị quyết năm 2014)

TT	Trích yếu nghị quyết	Cơ sở pháp lý
1	Quy định mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Ban KTNS đề xuất)	Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định: <i>UBND tỉnh có vùng thiếu nước ngọt và sạch trình HĐND tỉnh quyết định thời gian hưởng và mức trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho phù hợp với tình hình cụ thể của những nơi thiếu nước ngọt và sạch tại địa phương.</i>
2	Quy định mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Ban KTNS đề xuất).	Căn cứ Khoản 5 Điều 1 Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở xã quy định: <i>UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</i>
3	Quy định phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ, tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Ban KTNS đề xuất)	Căn cứ Điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014) quy định: <i>UBND tỉnh căn cứ cách thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định này và căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể về phương thức xác định kinh phí giao để thực hiện chế độ tự chủ, tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”.</i>
4	Quy định mức chi đầu tư xây dựng, chi duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông và chi hỗ trợ xây dựng, phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới có hiệu quả cho các cấp chính quyền ở địa phương (Ban KTNS đề xuất)	Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Thông tư 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định: <i>UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định mức chi đầu tư xây dựng, chi duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông và chi hỗ trợ xây dựng, phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới có hiệu quả cho các cấp chính quyền ở địa phương.</i>
5	Quy định mức thu Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào công trình	Căn cứ Thông tư 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

	thủ lợi áp dụng trên địa bàn tỉnh. (Ban KTNS đề xuất)	
6	Quy định một số mức chi đặc thù của Dự án 1 “Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và đào tạo. (Ban KTNS đề xuất)	<p>Căn cứ Điều 3 Thông tư số 40/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 – 2015 quy định: <i>Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và đào tạo đã được Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể các mức chi đối với các nội dung tại khoản 1.4, 1.5, 1.6 Điều này để thực hiện tại địa phương.</i> Cụ thể khoản 1.4, 1.5, 1.6 Điều 3 như sau:</p> <p>“1.4. Chi hỗ trợ hoạt động huy động số người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15-60 đến lớp xoá mù; huy động trẻ trong độ tuổi giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở đang bỏ học hoặc chưa có điều kiện đến trường vào các lớp phổ cập hoặc trở lại nhà trường tiếp tục học; huy động hầu hết trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 ....</p> <p>1.5. Chi thấp sáng đối với lớp học phổ cập ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập; chi hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện phổ cập (quận, huyện, xã, phường) từ phổ cập mầm non năm tuổi đến phổ cập giáo dục trung học cơ sở.</p> <p>1.6. Chi phụ cấp cho người làm công tác xóa mù, phổ cập”.</p>
7	Quy định các chính sách hỗ trợ cho tổ chức thanh niên xung phong, cán bộ quản lý thanh niên xung phong và đội viên thanh niên xung phong trên địa bàn tỉnh (Ban KTNS đề xuất)	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 119/2013/TTLT-BTC-BNV ngày 26/8/2013 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách thanh niên xung phong, quy định: ... <i>Tùy khả năng kinh phí của từng địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo HĐND để quyết định các chính sách hỗ trợ cho tổ chức thanh niên xung phong, cán bộ quản lý thanh niên xung phong và đội viên thanh niên xung phong trên địa bàn cho phù hợp với tình hình thực tế.</i>
8	Đề án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 -2020 (Ban VHXXH đề xuất)	Theo kiến nghị sau giám sát của Ban VHXXH năm 2012
9	Đề án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2020 (Ban VHXXH đề xuất)	Theo kiến nghị sau giám sát của Ban VHXXH năm 2012./.